

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM QUỐC TẾ
INTERFOOD SHAREHOLDING COMPANY

ĐỀ XUẤT KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2019 (HỢP NHẤT)
PROPOSAL FOR BUSINESS PLAN 2019 (CONSOLIDATION)

Căn cứ vào kết quả kinh doanh thực tế năm 2018 và năng lực hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế (“Công ty”) và công ty con, Hội đồng Quản trị Công ty đề nghị Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 xem xét và phê duyệt Kế hoạch kinh doanh năm 2019 của Công ty như sau:

Pursuant to the actual business result in 2018 and business operation capacity of Interfood Shareholding Company (“Company”) and its subsidiary, the Board of Management of the Company proposes the Annual General Meeting of Shareholders in 2019 to consider and approve the Business plan in 2019 of the Company as below:

Chỉ tiêu <i>Description</i>	Kế hoạch 2019 <i>Plan 2019</i>		Thực hiện 2018 <i>Actual 2018</i>		Tỷ lệ <i>Variance</i>
	USD	VND '000	USD	VND '000	%
Tổng doanh thu/ Sales	77,721,170	1,806,628,585	73,964,842	1,719,312,753	5%
Các khoản giảm trừ/ <i>Deductions</i>	5,937,733	138,022,595	6,098,861	141,768,023	-3%
Doanh thu thuần <i>Net sales and services</i>	71,783,437	1,668,605,990	67,865,981	1,577,544,730	6%
Giá vốn hàng bán <i>Cost of goods sold</i>	44,554,784	1,035,675,946	41,024,006	953,603,017	9%
Lợi nhuận gộp Gross profit	27,228,653	632,930,044	26,841,975	623,941,713	1%
Doanh thu hoạt động tài chính <i>Financial income</i>	45,799	1,064,587	364,080	8,463,045	-87%
Chi phí hoạt động tài chính <i>Financial expenses</i>	118,826	2,762,101	508,245	11,814,144	-77%
Chi phí bán hàng <i>Selling expenses</i>	17,498,184	406,745,288	15,910,072	369,829,630	10%
Chi phí quản lý doanh nghiệp <i>General & administration expenses</i>	1,386,388	32,226,580	1,514,072	35,194,613	-8%
Lãi / (lỗ) từ hoạt động kinh doanh Net operating profit/(loss)	8,271,055	192,260,662	9,273,666	215,566,371	-11%
Thu nhập khác/ <i>Other income</i>	-	-	175,251	4,073,716	-
Chi phí khác/ <i>Other expenses</i>	380,152	8,836,627	466,218	10,837,235	-18%
Lợi nhuận khác/ Other loss, net	(380,152)	(8,836,627)	(290,967)	(6,763,519)	31%
Lãi / (Lỗ) trước thuế Profit/ (Loss) before tax	7,890,903	183,424,035	8,982,700	208,802,852	-12%
Chi phí thuế TNDN hiện hành/ <i>Current CIT expenses</i>	1,563,251	36,337,767	2,054,173	47,749,243	-24%
Chi phí thuế TNDN hoãn lại <i>Deferred CIT expenses</i>	(37,173)	(864,098)	(819,192)	(19,042,125)	-95%
Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế Net profit/(loss) after tax	6,364,825	147,950,366	7,747,719	180,095,734	-18%
Lợi nhuận/(lỗ) của cổ đông thiểu số/ <i>Minority interest</i>	(2,762)	(64,212)	(2,974)	(69,130)	-7%
Lợi nhuận/(lỗ) trong năm Net Profit / (Loss) for the year	6,367,588	148,014,578	7,750,693	180,164,864	-18%

TÓM TẮT KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2019
OUTLINE OF BUSINESS PLAN 2019

Năm 2019, Công ty đặt mục tiêu tăng doanh số bán hàng bằng cách tập trung vào các sản phẩm thương hiệu KIRIN là động lực tăng trưởng chính của Công ty và thu được lợi nhuận hoạt động với các chiến lược sau:

In 2019, the Company aims at boosting its sales volume by focusing on KIRIN brand products that is its key growth driver, and acquires operating profit with following strategies:

Công ty phân tích dữ liệu bán hàng theo khu vực và SKUs qua việc sử dụng hệ thống DMS (Hệ thống quản lý nhà phân phối) và mở rộng thêm các điểm kết nối với người tiêu dùng. Từ đó, Công ty đặt mục tiêu tăng doanh số bán hàng dựa trên các hoạt động bán hàng hiệu quả. Bên cạnh đó, Công ty đầu tư nhiều nguồn lực hơn vào các hoạt động tiếp thị như là tiếp thị truyền thông với người tiêu dùng, nhằm nâng cao nhận thức về thương hiệu KIRIN.

The company analyzes the sales data by area and SKU's utilizing DMS (Distribution Management System) and expands the connection points with consumers. Then the Company aims at boosting its sales volume based on the effective selling activities. Besides the Company invests more resources in marketing activities such as marketing communication with consumers, in order to enhance KIRIN brand awareness.

Công ty tiếp tục phát triển các sản phẩm KIRIN chiến lược mới và xem xét việc khai thác các kênh mới nhằm tăng thêm doanh số trong tương lai.

The Company continues to develop the new strategic KIRIN products and consider to exploit the new channels in order to boost more sales volume in the future.

Tiếp tục giảm chi phí sản xuất và hợp lý hóa công việc sản xuất một cách triệt để.

Continue to reduce production costs and streamline production work thoroughly.

Thực hiện đơn giản hóa và hiệu quả bằng cách cải thiện quy trình kinh doanh thông qua các giải pháp công nghệ thông tin.

Implementation of simplification and efficiency by improving business process through IT solutions.

Công ty dự kiến tổng doanh thu sẽ đạt khoảng 1,806 tỷ đồng (tăng khoảng 5% so với năm 2018) và lãi trước thuế trong năm 2019 khoảng 183 tỷ đồng.

Total gross sales is expected to be approximately VND 1,806 billion (increase of approximately 5% compared to the year 2018) and profit before tax in 2019 is about VND 183 billion.

Thay mặt Công ty/ *On behalf of the Company*
Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc/ *Chairman cum General Director*

Đã ký và đóng dấu
(Signed and sealed)

YUTAKA OGAMI